TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM GIÀNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 57/2018/HSST
Ngày: 31/8/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị My**.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thao;

2. Ông Dương Văn Ngạn;

***- Thư ký phiên tòa*:** Vũ Thị Xuân, thư ký Toà Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân(viết tắt là VKSND) huyện Cẩm Giàng tham gia phiên toà*:** Bà Lê Thị Hạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 53/2018/TLST- HS ngày 23/7/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2018/QĐXXST - HS ngày 10 tháng 8 năm 2018, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 06/2018/TB - TA ngày 23 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn C, sinh năm 1990; tại xã LĐ, huyện CG, tỉnh Hải Dương; ĐKHKTT và nơi cư trú: Thôn Đồng Khê, xã LĐ, huyện CG, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Nguyễn Thị H1, có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/5/2018 đến ngày 08/5/2018 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt ;

2. Nguyễn Đình T, sinh năm 1975; tại xã KG, huyện CG, tỉnh Hải Dương; ĐKHKTT và nơi cư trú: Thôn KQ, xã KG, huyện CG, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình M và bà Trần Thị H2; có vợ là Đinh Thị H3, có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/5/2018 đến ngày

08/5/2018 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt ;

3. Nguyễn Văn H, sinh năm 1979; tại thị trấn T, huyện LT, tỉnh Bắc Ninh; ĐKHKTT và nơi cư trú: Thôn B, thị trấn T, huyện LT, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th1 và bà Trịnh Thị Th2; có vợ là Vũ Thị T4, có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày ngày 06/5/2018 đến ngày 08/5/2018 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt ;

4. Ngô Xuân Th, sinh năm 1993; tại xã BĐ, huyện LT, tỉnh Bắc Ninh; ĐKHKTT và nơi cư trú: Thôn NP, xã BĐ, huyện LT, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Xuân C1 và bà Phạm Thị C2; có vợ là Nguyễn Thị P, có 01 con sinh tháng 8 năm 2016; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày ngày 06/5/2018 đến ngày 08/5/2018 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt ;

5.Nguyễn Bá M, sinh năm 1988; tại xã BĐ, huyện LT, tỉnh Bắc Ninh; ĐKHKTT và nơi cư trú: Thôn Ngô Phần, BĐ, huyện LT, tỉnh Bắc Ninh nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bá R và bà Ngô Thị T5; có vợ là Vũ Thị V có 4 con, con lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh 2016; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày ngày 06/5/2018 đến ngày 08/5/2018 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt ;

6. Nguyễn Văn N , sinh năm 1978; tại xã HT, huyện HH tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Khu 12, phường BH, thành phố HD, tỉnh Hải Dương; nơi đã cư trú: Khu 17, phường BH, thành phố HD, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T5 và bà Vũ Thị V1 (đều đã chết) ; có vợ là Vũ Thị Thanh Ng, có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày ngày 06/5/2018 đến ngày 08/5/2018 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt ;

7. Trịnh Thị Nh, sinh năm 1965; tại xã KG, huyện CG, tỉnh Hải Dương; ĐKHKTT và nơi cư trú: Thôn KQ, xã KG, huyện CG, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Đình Ch và bà Lê Thị Ch1; có chồng là Phạm Văn Kh, có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1984 (đã chết), con

nhỏ nhất sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày ngày 06/5/2018 đến ngày 08/5/2018 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 06/5/2018, Nguyễn Đình T, Nguyễn Văn N, Nguyễn Bá M, Nguyễn Văn H, Ngô Xuân Th, Nguyễn Văn C đến nhà Trịnh Thị Nh ở thôn Thôn KQ, xã KG, huyện CG, tỉnh Hải Dương chơi rồi cùng rủ nhau đánh bạc sát phạt bằng tiền dưới hình thức đánh "Liêng" và được Nh đồng ý. Các đối tượng lên phòng thờ tầng hai nhà của Nh, lấy bộ bài 52 quân có sẵn tại đây làm công cụ đánh bạc. Tất cả thống nhất cách thức chơi và mức độ sát phạt như sau: Trước khi người cầm cái chia bài thì mỗi người chơi phải đặt số tiền 50.000đ vào gà, sau đó người cầm cái cầm bộ bài chia cho mỗi người ba quân bài và là người được tố trước, nếu không tố thì những người bên cạnh sẽ được tố theo thứ tự từ trái sang phải. Lần lượt những người tham gia có thể theo tố, nếu không theo tố thì úp bài xuống, người nào theo thì đặt tiếp số tiền theo tố vào gà nhưng không quá 200.000đ, người úp bài sẽ bị mất 50.000đ đã đặt vào gà trước đó, còn những người theo tố sẽ so điểm với nhau. Việc thắng thua được quy định như sau: Bài người chơi có Liêng là có 3 quân liền kề nhau không cần cùng chất nhưng theo thứ tự tăng dần; Q, K, Át là to nhất của Liêng, ngoài ra 3 quân cùng loại gọi là Sáp, trong đó 3 quân Át là to nhất, 3 quân 2 là nhỏ nhất; bài Ảnh tức là bài có ba quân bài bất kỳ " từ "J" cho đến "K" mà không phải "Sáp" hay "Liêng", nếu có nhiều bài ảnh bằng nhau thì phải so về chất để phân định thắng thua. Nếu không có Liêng, Sáp hoặc Ảnh thì những người chơi sẽ cộng và tính điểm 3 quân bài trên tay theo quy ước 10, J, Q, K là không điểm; Át là 1 điểm, 2 là 2 điểm … 9 là 9 điểm. Bài có tổng số điểm là 9 là to nhất; nếu trong trường hợp có hai hoặc nhiều người bằng điểm nhau thì tính đến chất, lớn nhất là rô rồi đến cơ, tép, bích. Át là to nhất rồi đến K, Q … và 2 là nhỏ nhất. Người thắng ván trước sẽ là người cầm cái ván sau. Nếu ván nào có người được "Liêng" đồng chất và thắng tất cả những người còn lại thì bỏ ra 100.000đ vào đĩa để cho Nhung.

Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày các bị cáo bắt đầu đánh bạc, đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Hải Dương bắt quả tang, thu giữ tại vị trí đánh bạc 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây, thu giữ trước mặt T 1.600.000đ, trước mặt Nghị 1.700.000đ; trước mặt Minh 1.450.000đ; trước mặt Hùng 1.000.000đ; trước mặt Thành 550.000đ; trước mặt Cảnh 50.000đ và 800.000đ trên đĩa. Thu giữ trong người Minh số tiền

9.500.000đ và trong người Cảnh số tiền 700.000đ không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Xác định số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 7.150.000đ (thu giữ tại vị trí đánh bạc là 6.350.000đ và 800.000đ trên đĩa). Cụ thể số tiền từng bị cáo dùng để đánh bạc gồm: Nguyễn Văn C 1.600.000đ, Nguyễn Đình T 1.300.000đ, Nguyễn Văn H 1.200.000đ, Nguyễn Bá M 1.000.000đ, Ngô Xuân Th 1.050.000đ, Nguyễn Văn N 1.000.000đ.

Tại bản cáo trạng số 54/ CT- VKS ngày 22/7/2018, VKSND huyện Cẩm Giàng đã truy tố các bị cáo Nguyễn Đình T, Nguyễn Văn N, Nguyễn Bá M, Nguyễn Văn H, Ngô Xuân Th, Nguyễn Văn C và Trịnh Thị Nh về tội " Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra. Các bị cáo đều xác định số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 7.150.000đ. Viện kiểm sát truy tố các bị cáo tội đánh bạc là đúng, đều đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm như Quyết định truy tố và đề nghị:

a.Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Đình T, Nguyễn Văn N, Nguyễn Bá M, Nguyễn Văn H Ngô Xuân Th, Trịnh Thị Nh phạm tội "Đánh bạc".

- Áp dụng khoản 1, Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58, khoản 1, 2 Điều 65, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Cảnh từ 8 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 16 tháng đến 20 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Cảnh cho UBND xã Lương Điền, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1, Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58, khoản 1, 2 Điều 65, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T từ 7 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng; thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo T cho UBND xã Kim Giang, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1, Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, khoản 1, 2 Điều 65, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 7 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng; thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo H cho UBND thị trấn Thứa, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1, Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Ngô Xuân Th từ 8 tháng đến 10 tháng cải tạo không giam giữ; Giao bị cáo Th cho UBND xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành án; thời hạn tính từ ngày UBND xã Bình Định nhận được quyết định thi hành án và trích lục bản án. Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo. (bị cáo được trừ đi 3 ngày tạm giữ bằng 9 ngày cải tạo không giam giữ).

- Áp dụng khoản 1, Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58, khoản 1, 2, 3 Điều 36 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Bá M từ 8 tháng đến 10 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập hàng tháng từ 5% đến 7% sung quỹ nhà nước trong thời gian chấp hành hình phạt. Giao bị cáo M cho UBND xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành án. Thời hạn tính từ ngày UBND xã Bình Định, huyên Lương Tài nhận được quyết định thi hành án và trích lục bản án (bị cáo được trừ đi 3 ngày tạm giữ bằng 9 ngày cải tạo không giam giữ).

- Áp dụng khoản 1, Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 3 Điều 36, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 8 tháng đến 10 tháng cải tạo không giam giữ; khấu trừ thu nhập hàng tháng từ 5% đến 7% sung quỹ nhà nước trong thời gian chấp hành hình phạt. Giao bị cáo N cho UBND phường Bình Hàn, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành án. Thời hạn tính từ ngày UBND phường Bình Hàn nhận được quyết định thi hành án và trích lục bản án (bị cáo được trừ đi 3 ngày tạm giữ bằng 9 ngày cải tạo không giam giữ).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58, khoản 1, 2, 3 Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Thị Nh từ 7 tháng đến 9 tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho UBND xã Kim Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày UBND xã Kim Giang nhận được quyết định thi hành án và trích lục bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo (bị cáo Nhung được trừ đi 3 ngày tạm giữ bằng 9 ngày cải tạo không giam giữ).

b. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321, Điều 35 BLHS, đề nghị phạt mỗi bị cáo (trù bị cáo Nh và Th) từ 10.000.000đ đến 13.000.000đ sung quỹ nhà nước.

c. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS: đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 7.150.000đ và tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài.

d. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo nói lời sau cùng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Giàng, Điều tra viên, VKSND huyện Cẩm Giàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Đình T, Nguyễn Văn H, Ngô Xuân Th, Nguyễn Văn N, Nguyễn Bá M, Trịnh Thị Nh tại phiên tòa phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan Điều tra, phù hợp các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 06/5/2018, Trịnh Thị Nh đồng ý dùng nhà ở của mình tại phòng thờ tầng 2 thuộc thôn Kim Quan, xã Kim Giang, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương cho các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Đình T, Nguyễn Văn H, Ngô Xuân Th, Nguyễn Văn N, Nguyễn Bá M đánh bạc với hình thức đánh Liêng, sát phạt nhau bằng tiền, tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc trong vụ án là 7.150.000đ.

Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh Liêng với mục đích được thua bằng tiền, không được Nhà nước cho phép là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi, cầu may rủi, muốn chuyển tài sản của người khác thành tài sản của mình một cách nhanh chóng không hợp pháp nên đã cùng cố ý thực hiện tội phạm, bị cáo Nhung không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng đồng ý cho các bị cáo đánh bạc tại nhà ở của mình nên bị cáo phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm trong vụ án. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự an toàn công cộng, xâm phạm đến trật tự nếp sống văn minh của xã hội. Vì vậy hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. VKSND huyện Cẩm Giàng truy tố các bị cáo C, T, H, Th, M, Nvà Nh với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS đối với các bị cáo: Tuy các bị cáo cùng thống nhất việc đánh bạc nhưng không có sự phân công vị trí, vai trò cụ thể cho từng người và giữa những người đánh bạc không có sự cấu kết chặt chẽ với nhau nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, cần xác định vị trí vai trò của từng bị cáo trong vụ án để quyết định hình phạt tương ứng với vai trò của từng bị cáo.

Bị cáo C sử dụng số tiền 1.600.000đ; T sử dụng 1.300.000đ; Hùng sử dụng 1.200.000đ; Th sử dụng 1.050.000đ; M và N đều sử dụng số tiền 1.000.000đ để đánh bạc; bị cáo Nh không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng đồng ý dùng nhà ở của mình cho các bị cáo đánh bạc. Vì vậy, bị cáo C, T giữ vai trò thứ nhất, bị cáo H giữ vai trò thứ hai, các bị cáo M, Th, N giữ vai trò ngang nhau xếp thứ ba; bị cáo Nh với vai trò là người giúp sức xếp vị trí sau cùng trong vụ án.

- Về nhân thân: Các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Đình T, Nguyễn Văn H, Ngô Xuân Th, Nguyễn Văn N, Nguyễn Bá M, Trịnh Thị N đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo nên các bị cáo đều được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo H và N có bố đẻ được nhà nước tặng thưởng huân chương nên bị cáo H và N đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4]Về hình phạt:

Xét số tiền các bị cáo dùng đánh bạc không nhiều, mức sát phạt không lớn. Các bị cáo đều là người lao động, nhất thời phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS và đều có nơi cư trú ổn định nên không bắt các bị cáo phải cách ly xã hội để chấp hành hình phạt tù cũng không nguy hiểm cho xã hội, cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung có hiệu quả mà không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh, phòng chống tội phạm này trong tình hình hiện nay.

Căn cứ Điều 65 BLHS, HĐXX áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với các bị cáo C, T, H.

Căn cứ Điều 36 BLHS, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Th, M, N và Nh cũng đủ tác dụng giáo dục và răn đe đối với các bị cáo.

[5]Về hình phạt bổ sung: Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Đình T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn N, Nguyễn

Bá M, buộc các bị cáo phải nộp 1 lần đối với số tiền phạt.

Các bị cáo Ngô Xuân Th và Trịnh Thị Nh hiện không có việc làm, kinh tế gia đình khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo Thành và Nhung trong thời gian cải tạo không giam giữ; đồng thời không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Th và bị cáo Nh.

[6] Đối với anh Kh là chồng bị cáo Nh, không biết các bị cáo đánh bạc tại nhà ở của mình nên không có căn cứ xử lý.

[7] Số tiền 9.500.000đ và 700.000đ của bị cáo M và bị cáo C không dùng vào mục đích đánh bạc nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương đã trả lại số tiền trên cho các bị cáo là phù hợp.

[8]Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 7.150.000đ là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 cây là công cụ các bị cáo dùng để phạm tội không có giá trị kinh tế nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

[9]Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1.Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Đình T, Nguyễn Văn H, Ngô Xuân Th, Nguyễn Văn N, Nguyễn Bá M, Trịnh Thị Nh phạm tội Đánh bạc.

2. Về hình phạt chính:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS đối với Nguyễn Văn C;

Xử phạt: Nguyễn Văn C 07 (bẩy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS đối với Nguyễn Đình T;

Xử phạt: Nguyễn Đình T 07 (bẩy) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 14 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS đối với Nguyễn Văn H,

Xử phạt: Nguyễn Văn H 06(sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Giao các bị cáo: Nguyễn Văn C cho UBND xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương; bị cáo Nguyễn Đình T cho UBND xã Kim Giang, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương; bị cáo Nguyễn Văn H cho UBND thị trấn Thứa, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Đình T và Nguyễn Văn H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thừ thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 1,2,3 Điều 36 BLHS đối với Ngô Xuân Th

Xử phạt: Ngô Xuân Th 09 tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ 3 ngày tạm giữ bằng 9 ngày cải tạo không giam giữ. Buộc bị cáo Th phải chấp hành 08 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ, tính từ ngày UBND xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh nhận được quyết định thi hành án và trích lục bản án. Giao bị cáo cho UBND xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh nơi bị cáo cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo Th.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 1,2,3 Điều 36 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Bá M;

Xử phạt: Nguyễn Bá M 09 tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ 3 ngày tạm giữ bằng 9 ngày cải tạo không giam giữ. Buộc bị cáo M phải chấp hành 08 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ, tính từ ngày UBND xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh nhận được quyết định thi hành án và trích lục bản án. Giao bị cáo cho UBND xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh nơi bị cáo cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của bị cáo Nguyễn Bá M sung quỹ nhà nước. Thời hạn bị khấu trừ thu nhập hàng tháng bằng thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 58; khoản 1,2,3 Điều 36 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn N ;

Xử phạt: Nguyễn Văn N 09 tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ 3 ngày tạm giữ bằng 9 ngày cải tạo không giam giữ. Buộc bị cáo N phải chấp hành 08 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ, tính từ ngày UBND phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và trích lục bản án. Giao bị cáo cho UBND phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương nơi bị cáo cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của bị cáo Nguyễn Bá M sung quỹ nhà nước. Thời hạn bị khấu trừ thu nhập hàng tháng bằng thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 1,2,3 Điều 36 BLHS đối với bị cáo Trịnh Thị Nh;

Xử phạt: Trịnh Thị Nh 08 tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ 3 ngày tạm giữ bằng 9 ngày cải tạo không giam giữ. Buộc bị cáo Nh phải chấp hành 07 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ, tính từ ngày UBND xã Kim Giang, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và trích lục bản án. Giao bị cáo cho UBND xã Kim Giang, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương nơi bị cáo cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo Trịnh Thị Nh.

Trường hợp các bị cáo Ngô Xuân T, Nguyễn Bá M; Nguyễn Văn N và Trịnh Thị Nh thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 3 Điều 75 Luật Thi hành án hình sự.

4.Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321, khoản 2, 3 Điều 35 BLHS đối với các bị cáo: Nguyễn Văn C, Nguyễn Đình T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Bá M và Nguyễn Văn N.

Phạt các bị cáo: Nguyễn Văn C, Nguyễn Đình T mỗi bị cáo 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng). Bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Bá M và Nguyễn Văn N mỗi bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

Các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Đình T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Bá M và Nguyễn Văn N phải nộp tiền phạt một lần trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3.Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 7.150.000đ(Bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) đựng trong 06 (sáu) bì niêm phong có chữ ký của những người liên quan.

- Tịch thu tiêu hủy 01(Một) bộ bài tú lơ khơ 52 cây đựng trong bì thư dán kín.

Toàn bộ số vật chứng trên có tình trạng và đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Cẩm Giàng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng ngày 24/7/2018.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Đình T, Nguyễn Văn H, Ngô Xuân Th, Nguyễn Văn N, Nguyễn Bá M, Trịnh Thị Nh mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Công an huyện Cẩm Giàng;
- Các bị cáo;
- THADS huyện Cẩm Giàng;
- Lưu: hồ sơ; Văn phòng TAND huyện Cẩm Giàng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa
đã ký

Vũ Thị Mỵ